

Bản án số: 47/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 24 - 7 - 2017

V/v xin ly hôn có yếu tố nước ngoài

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Minh Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Quyền

2. Bà Trần Thị Ngọc Trân

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Nguyễn Thanh Huy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Phan Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2016/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2016 về việc: “*Xin ly hôn có yếu tố nước ngoài*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2017/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lâm Thị Ng, sinh năm: 1980.

Địa chỉ: Số 624 kp2, phường VT, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Lam Steven V, sinh năm: 1971.

Địa chỉ: 6330 CAPE FORWARD DR HOUSTON TX 77083 - USA (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/01/2016 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lâm Thị Ng trình bày:

Chị Ng và anh Lam Steven V quen biết nhau là do mai mối vào năm 2008 và chính thức chung sống với nhau từ năm 2009. Anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 277, quyền

số 02 ngày 04 tháng 12 năm 2009. Sau khi kết hôn thì anh chị chung sống với nhau một thời gian ngắn tại nhà cha mẹ chị Ng và anh V trở về Hoa Kỳ. Từ năm 2009 đến năm 2013 anh V chỉ về thăm chị được bốn lần, anh chị chủ yếu liên lạc thông qua điện thoại. Từ năm 2014 đến nay, anh V không về Việt Nam và chị Ng cũng không liên lạc được với anh V. Chị thấy rằng anh V không còn tình cảm với chị, nếu cứ tiếp tục cuộc sống vợ chồng mỗi người một nơi, thì cuộc hôn nhân sẽ không hạnh phúc. Chị yêu cầu xin được ly hôn với anh Lam Steven V.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: trong quá trình chung sống chị Ng và anh V không có con chung, không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang đã tiến hành thủ tục ủy thác tư pháp cho Đại sứ quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Hoa Kỳ để giao Thông báo thụ lý vụ án, đồng thời lấy lời khai của anh Lam Steven V theo địa chỉ chị Ng cung cấp tại 6330 CAPE FORWARD DR HOUSTON TX 77083 - USA về việc chị Lâm Thị Ng xin ly hôn theo quy định của pháp luật nhưng anh V không đến nhận thông báo và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Ng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang: về thẩm quyền xét xử do vụ án có đương sự là anh Lam Steven V là người nước ngoài, nên Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn là anh Lam Steven V mặc dù Tòa án đã thực hiện đầy đủ hợp lệ việc ủy thác tư pháp về tổng đạt văn bản tố tụng cho anh Vinh nhưng anh Vinh không có hồi âm và không nhận hồ sơ tổng đạt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh V là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu khởi kiện của chị Ng: do chị Ng và anh V mất liên lạc đã lâu, anh chị không có thời gian chung sống và hai bên không còn tình cảm, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Ng. Về con chung, tài sản chung các bên không yêu cầu, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Lam Steven V đã được Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang tiến hành thủ tục ủy thác tư pháp cho Đại sứ quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Hoa Kỳ thực hiện việc tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và lấy lời khai của đương sự theo quy định tại Thông tư liên tịch số 15/2011/TTLT-BTP-BNG-TANDTC ngày 15 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao và Tòa

án nhân dân tối cao về việc “Hướng dẫn áp dụng một số quy định về tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự của Luật tương trợ tư pháp”. Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại Houston, Hoa Kỳ đã có biên bản xác nhận vào ngày 17/03/2017 đã gửi Thông báo cho anh Lam Steven V theo đề nghị của Tòa án nhưng đương sự không có trả lời và đã niêm yết nội dung ủy thác tại trụ sở Tổng lãnh sự quán 30 ngày nhưng đương sự không đến nhận hồ sơ tổng đạt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b, khoản 1 Điều 15, Điều 17 Thông tư liên tịch số 15/2011/TTLT-BTP-BNG-TANDTC ngày 15 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao và Tòa án nhân dân tối cao, Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bị đơn anh Lam Steven V.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Lâm Thị Ng và anh Lam Steven V tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 277, quyển số 02 ngày 04 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Kiên Giang là phù hợp với quy định tại Điều 9, Điều 10 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung, yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Nhưng đối với hôn nhân của chị Ng và anh V thì anh, chị sống xa nhau và không có điều kiện gặp nhau nên không duy trì được mối quan hệ vợ chồng. Hiện tại anh, chị cũng không còn liên lạc với nhau từ năm 2014 và tình cảm không còn nên anh, chị không thể xây dựng được gia đình hạnh phúc. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy mục đích hôn nhân của chị Ng và anh V không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ng và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cho chị Ng được ly hôn với anh V theo qui định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống chị Ng và anh V không có con chung nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: chị Lâm Thị Ng không có yêu cầu và anh V không có ý kiến nên không xem xét.

[5] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; khoản 8 Điều 27, khoản 1 mục I Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 về án phí, lệ phí Tòa án.

Chị Lâm Thị Ng phải chịu 200.000 đồng án phí sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 469, khoản 3 Điều 474, điểm b khoản 5 Điều 477, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; khoản 8 Điều 27, khoản 1 mục I Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 về án phí, lệ phí Tòa án; điểm b, khoản 1 Điều 15, Điều 17 Thông tư liên tịch số 15/2011/TTLT-BTP-BNG-TANDTC ngày 15 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao và Tòa án nhân dân tối cao về việc “Hướng dẫn áp dụng một số quy định về tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự của Luật tương trợ tư pháp”.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lâm Thị Ng.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lâm Thị Ng được ly hôn với anh Lam Steven V.
2. Về quan hệ con chung: Chị Ng và anh V không có con chung nên không xem xét.
3. Về tài sản chung, nợ chung: chị Lâm Thị Ng không có yêu cầu và anh V không có ý kiến nên không xem xét.
4. Về án phí: Chị Lâm Thị Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 200.000 đồng, khấu trừ 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị Ng đã nộp theo biên lai thu tiền án phí, lệ phí số 0004867 ngày 17 tháng 02 năm 2016 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.
5. Quyền kháng cáo: Chị Lâm Thị Ng có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (24/7/2017) để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao xét xử lại bản án theo thủ tục phúc thẩm.

Riêng anh Lam Steven V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7b và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Cục THA dân sự tỉnh Kiên Giang;
- UBND tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Ngô Thị Minh Trang